

CHUNG TAY PHÁT TRIỂN VỮNG BƯỚC ĐỒNG HÀNH

Báo cáo tài chính

- 140 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 142 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 144 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 148 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 149 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Phan Công Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Dương Trí Hội	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Hồ Quyết Thắng	Thành viên độc lập
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Phan Công Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2024)
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2024)
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2024)
Ông Vũ An	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2024)
Ban Kiểm soát	
Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Lương Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Phương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phan Công Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2025
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0884/VN1A-HN-BC

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025, từ trang 144 đến trang 150, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có nghĩa vụ bảo lãnh theo thỏa thuận đã ký với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) liên quan đến cam kết bảo lãnh của Tập đoàn cho khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam - Công ty liên kết của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã ghi nhận quyền và nghĩa vụ phát sinh trong năm 2024 tương ứng với các bên liên quan.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Nguyễn Thị Ngân
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN: Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.219.573.591.341	9.565.106.752.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.004.912.303.570	1.241.561.362.115
1. Tiền	111		741.876.402.650	574.781.435.783
2. Các khoản tương đương tiền	112		263.035.900.920	666.779.926.332
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	9.464.000.000.000	5.385.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.464.000.000.000	5.385.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		653.185.512.324	642.215.358.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	276.247.523.509	432.251.479.566
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	227.545.463.111	56.288.686.447
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	532.760.539.063	377.802.561.892
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(383.368.013.359)	(224.127.369.554)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.730.684.831.761	1.910.840.607.214
1. Hàng tồn kho	141		1.731.334.756.236	1.942.109.074.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(649.924.475)	(31.268.467.536)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		366.790.943.686	385.489.424.588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	8.847.530.205	33.978.366.057
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		357.943.413.481	310.224.881.046
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	41.286.177.485

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.332.712.856.166	3.744.153.277.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.125.000.000	876.100.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.125.000.000	876.100.000
II. Tài sản cố định	220		2.711.222.351.120	2.988.445.788.293
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.852.113.498.553	2.154.198.652.529
- Nguyên giá	222		11.632.992.941.593	11.574.815.724.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.780.879.443.040)	(9.420.617.072.425)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	859.108.852.567	834.247.135.764
- Nguyên giá	228		1.220.829.677.992	1.182.099.652.534
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(361.720.825.425)	(347.852.516.770)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	180.772.898.610	190.456.645.571
- Nguyên giá	231		317.953.542.202	317.953.542.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(137.180.643.592)	(127.496.896.631)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		89.432.287.256	261.326.265.034
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	89.432.287.256	261.326.265.034
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.189.383.462	33.359.983.256
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	30.589.383.462	29.759.983.256
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(16.902.000.000)	(16.902.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		315.970.935.718	269.688.495.161
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	67.439.702.684	57.616.661.429
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	97.580.052.912	59.981.494.127
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	128.013.698.990	129.152.858.473
4. Tài sản dài hạn khác	268		22.937.481.132	22.937.481.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.552.286.447.507	13.309.260.029.583

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 01-DN/HN: Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.372.450.027.238	1.764.060.255.739
I. Nợ ngắn hạn	310		5.198.718.914.842	1.484.492.945.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	691.027.535.623	768.442.429.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	216.889.576.593	124.312.355.882
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	58.254.209.708	6.127.123.790
4. Phải trả người lao động	314		177.347.094.144	164.498.016.812
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	121.855.980.698	239.514.869.880
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.819	18.181.819
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	188.515.955.342	71.840.876.194
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	3.422.025.863.029	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	253.973.730.976	8.176.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.810.786.910	101.563.091.373
II. Nợ dài hạn	330		173.731.112.396	279.567.310.499
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	2.807.058.000	2.219.808.500
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		132.540.000.000	132.540.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	-	102.177.312.389
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		38.384.054.396	42.630.189.610

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.179.836.420.269	11.545.199.773.844
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	11.179.836.420.269	11.545.199.773.844
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.599.179.502.370	4.599.179.502.370
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.470.369.047.680	2.838.340.934.833
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.048.700.696.050	2.435.451.267.470
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		421.668.351.630	402.889.667.363
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		177.404.780.481	174.796.246.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.552.286.447.507	13.309.260.029.583


Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu


Lê Hồng Quân
Kế toán trưởng


Phan Công Thành
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DN/HN: Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B 03-DN/HN: Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.657.031.176.628	13.719.510.012.331
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		160.888.952.925	150.324.493.920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	13.496.142.223.703	13.569.185.518.411
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	11.598.010.673.565	11.917.438.631.877
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	28	1.898.131.550.138	1.651.746.886.534
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	369.143.114.332	457.576.170.227
7. Chi phí tài chính	22	31	65.028.684.735	71.157.838.669
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.838.183.679	50.638.299.383
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	18	2.649.700.205	2.664.912.263
9. Chi phí bán hàng	25	32	837.208.423.254	848.444.338.144
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	702.811.258.885	502.354.622.004
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		664.875.997.801	690.031.170.207
12. Thu nhập khác	31		12.791.842.667	11.025.864.376
13. Chi phí khác	32		8.336.263.370	10.090.505.890
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.455.579.297	935.358.486
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		669.331.577.098	690.966.528.693
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	152.663.594.385	33.233.788.075
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(37.598.558.785)	127.915.820.096
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		554.266.541.498	529.816.920.522
Trong đó:				
18.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		537.763.664.155	519.466.561.842
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.502.877.343	10.350.358.680
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.078	1.029


Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu


Lê Hồng Quân
Kế toán trưởng


Phan Công Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	669.331.577.098	690.966.528.693
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	393.838.974.383	403.299.073.758
Các khoản dự phòng	03	272.242.519.331	(364.604.096.606)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.065.306.806)	763.978.887
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(346.166.068.458)	(452.967.211.465)
Chi phí lãi vay	06	47.838.183.679	50.638.299.383
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.034.019.879.227	328.096.572.650
Thay đổi các khoản phải thu	09	(187.933.522.440)	(239.668.055.799)
Thay đổi hàng tồn kho	10	211.913.477.997	2.089.951.570.430
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	148.751.345.070	(551.418.283.375)
Thay đổi chi phí trả trước	12	15.307.794.597	(29.502.348.922)
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.079.958.516)	(76.374.372.520)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.714.670.264)	(344.716.043.525)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(163.434.814.750)	(231.522.416.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	947.829.530.921	944.846.622.234
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(85.463.362.684)	(240.758.232.062)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	524.381.835	906.078.161
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.258.000.000.000)	(9.615.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.179.000.000.000	11.110.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	355.728.465.186	420.929.990.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.808.210.515.663)	1.676.077.836.133

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

MẪU SỐ B 03-DN/HN: Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.068.036.976.529	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.646.011.113.500)	(707.152.179.119)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(801.478.274.775)	(2.755.413.813.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.620.547.588.254	(3.462.565.992.594)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(239.833.396.488)	(841.641.534.227)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.241.561.362.115	2.083.841.053.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.184.337.943	(638.156.727)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.004.912.303.570	1.241.561.362.115


Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu


Lê Hồng Quân
Kế toán trưởng



Phan Công Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính của Công ty mẹ, phiên bản Báo cáo thường niên trực tuyến: Xin vui lòng xem tại website của Tổng công ty **www.dpm.vn**, mục Quan hệ Nhà đầu tư.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tự hào là thành viên Petrovietnam